

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10504/BC-TTCH

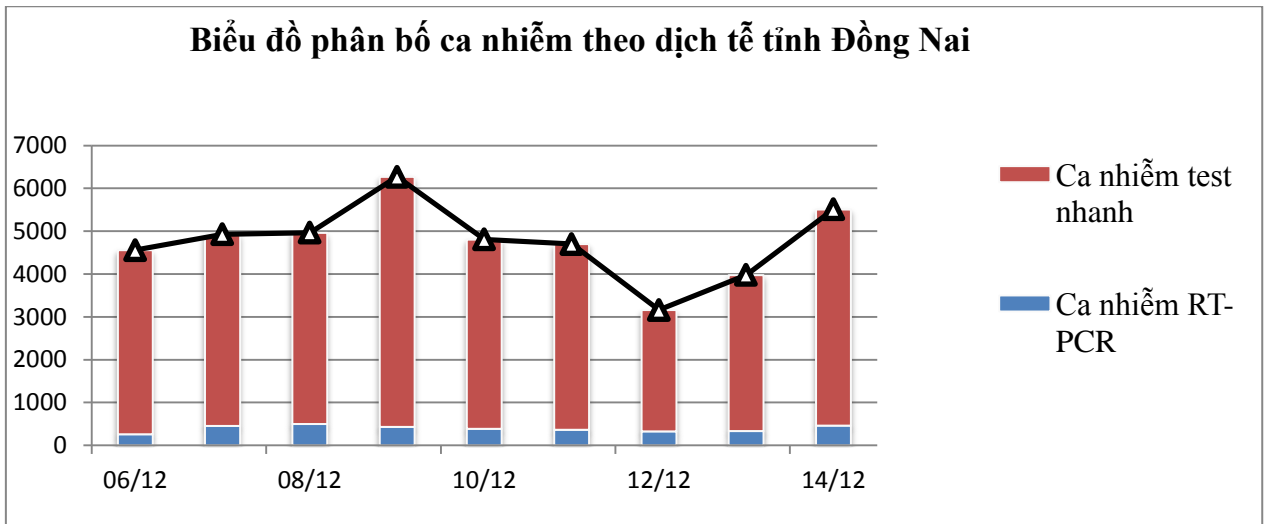
Đồng Nai, ngày 15 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 14/12/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế ca bệnh	
		Realtime RT-PC				Test nhanh kháng nguyên (+)	Tổng ca mắc trong ngày	RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên
		Ca mắc	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa				
1	Biên Hòa	347	190	157	0	1241	1.588	41.240	49.539
2	Nhon Trách	30	9	21	0	1508	1.538	18.575	27.156
3	Vĩnh Cửu	26	21	5	0	301	327	13.234	13.712
4	Trảng Bom	17	16	1	0	397	414	9.048	13.049
5	Long Thành	10	0	0	10	269	279	3.651	9.558
6	Thống Nhất	12	6	0	6	323	335	1.816	6.455
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	213	213	1.346	3.306
8	Long Khánh	8	5	3	0	324	332	1.257	4.153
9	Định Quán	2	2	0	0	129	131	1.082	3.353
10	Tân Phú	12	0	12	0	163	175	959	2.722
11	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	179	179	767	2.805
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0
Tổng số		464	249	199	16	5.047	5.511	93.378	135.808

* Thực hiện Công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh, ghi nhận ca nhiễm phát hiện bằng phương pháp xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 dương tính 02 lần.



Nhận xét:

- Trong ngày có 09/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc) ghi nhận ca mắc mới và 07/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng.

- Trong ngày ghi nhận 5.501 ca mắc mới trong ngày (tăng 38,2%), trong đó có 464 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (tăng 38,1%), 5.047 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (tăng 38,5%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 229.186 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	32	914	39.919	40.833
Cách ly tại nhà	1476	83.787	142.817	226.604
Theo dõi sức khỏe	27	8.938	34.810	43.748

- Thực hiện Công văn số 12542/UBND-KGVX ngày 13/10/2021 về việc triển khai cách ly F1 tại nhà trên địa bàn tỉnh; Công văn số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 về việc triển khai quản lý người nhiễm COVID-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh

- Hiện có 04 huyện, thành phố duy trì hoạt động các khu cách ly tập trung do huyện quản lý bao gồm: Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch; với 18 khu cách ly, tổng số 3.165 giường phục vụ người không đủ điều kiện thực hiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị tại cơ sở y tế

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	464	14.516	215	77.830	15	1.079	102
Tỉ lệ		15,54%		83,31%		1,15%	0,70%

- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PC và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2): **0,47%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	325	288	37
Tầng 2	5.526	1.201	4.325
Tầng 1	6.072	787	5.285

- Triển khai việc từng bước giải thể các Bệnh viện dã chiến.

- Số ca bệnh nặng, nguy kịch tăng, các đơn vị hồi sức tích cực tầng 3 đang có nguy cơ quá tải

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Hoàn thành cách ly	Lũy kế
1	Biên Hòa	2.302	34.643	56.968	91.611
2	Long Khánh	319	2.563	1.872	4.435
3	Vĩnh Cửu	318	4.094	11.799	15.893
4	Định Quán	320	1.717	1.793	3.510
5	Tân Phú	166	1.382	1.695	3.077
6	Trảng Bom	205	898	2.629	3.527
7	Thống Nhất	323	3.085	3.700	6.785
8	Xuân Lộc	202	1.618	1.367	2.985
9	Cẩm Mỹ	172	1.196	1.550	2.746
10	Long Thành	269	1.447	5.713	7.160
11	Nhon Trạch	494	4.854	20.794	25.648
	Tổng	5.090	57.497	109.880	167.377

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 12/12)

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 25 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.106.838 liều.

- Số liệu tiêm chủng sử dụng từ nguồn báo cáo của các địa phương thay thế cho số liệu cập nhật từ hệ thống tiêm chủng MCC hiện đang bị lỗi chưa được khắc phục.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 100,36% ; Mũi 2: 90,37%.

- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cao nhất (>90%): Xuân Lộc, Long Thành, Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Khánh.

- Các địa phương tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 chưa đạt 80%: Nhơn Trạch, Thống Nhất

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,17%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,50%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 90,12%; Mũi 2: 34,02%

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	6.134	2.137	2.023.197	245.182
RT-PCR mẫu đơn	3.741	1.576	2.023.525	246.191
RT-PCR mẫu gộp	514	151	355.463	30.139
Lượt người thực hiện PCR	6.224	1.576	3.777.090	246.191

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 151 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

+ 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

- + 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).
- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày có 09/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc) ghi nhận ca mắc mới và 07/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng.

- Trong ngày ghi nhận 5.501 ca mắc mới trong ngày (tăng 38,2%), trong đó có 464 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (tăng 38,1%), 5.047 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (tăng 38,5%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 229.186 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 100,36% ; Mũi 2: 90,37%.

- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cao nhất (>90%): Xuân Lộc, Long Thành, Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Khánh.

- Các địa phương tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 chưa đạt 80%: Nhơn Trạch, Thống Nhất

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,17%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,50%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 90,12%; Mũi 2: 34,02%

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 09/12/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/thành phố đều ở cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Các địa phương thực hiện thống nhất, đồng bộ công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh và số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai quản lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy

định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 09/12/2021 tại Báo cáo số 878/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	00	28 (bằng)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	11	79 (tăng 13)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	63 (giảm 13)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2 <i>(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 135 ca/100.000 dân, tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%) 170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động</i>		

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kê hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị	Cộng đồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	BN > = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhe và Không triệu chứng						
TẦNG 3																									
1	BVĐN/ HSTC	40	50	8	0	0	8	0	4	44		289		7	3	33	1							25	
2	BVTN/TTHSTC	200	70	12	12	0	4	0	2	100	310	496	265	16	5	38	24	17	0	1	0	44	66	0	
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	3	0	0	2	1	1	37	94	66	93	5	1	11	16	4				17	19	3	
4	BVĐKKVLT	100	100	7	1	1	4	1	2	61	95	120	56	19	4	10	28	0	0	0	0	29	36	39	

5	BV Nhi ĐN	20	10	1	0	0	0	0	0	9	1	4	0	0	5	1	3	0	0	0	9	0	2	0
6	BV Định Quán	60	30	3	0	0	0	0	0	34	2	6	4	5	0	0	11	0	20	0	1	7	19	0
7	BV Đồng Nai 2	10	24	0	0	0	0	0	0	24	140	8	964	10	0	0	14	24	0	0	0	15	17	0
Tổng cộng (tầng 3)		530	324	34	13	1	18	2	9	309	642	989	1382	62	18	93	97	45	20	1	10	112	184	42
TẦNG 2																								
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	235	24	42	1	0	0	0	168	41	2	2440	1	0	0	13	21	133	10	14	31	31	67
15	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	0	0	0	30	55	0	1844	0	0	0	6	6	24	1	1	9	19	20
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	0	3	0	0	0	0	6	141	0	7112	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	1004
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	16	7	0	0	0	0	126	42	1	3881	0	0	0	6	6	120	10	23	10	26	536
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	4	0	2	0	0	0	120	154	0	5175	0	0	0	32	33	55	4	4	37	58	687
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	0	0	0	0	4	13	0	1055	0	0	0	1	3	1	0	0	2	4	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	19	11	0	0	0	0	123	28	0	900	0	0	0	14	100	23	0	2	16	50	25
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	22	30	0	0	0	0	203	345	0	1467	0	0	0	0	87	107	0	203	0	0	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	12	8	0	0	0	0	68	0	0	456	0	0	0	40	21	4	0	1	35	42	82
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	80	97	10	6	0	0	0	0	97	140	0	964	10	0	0	14	24	59	1	0	34	38	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	100	80	8	10					60	317	4	596	4	1		7	12	36	0		1	18	20
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	5	7	0	1	0	0	47	40	11	442	1	0	0	25	15	7	0	0	15	16	18
20	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	6	9	1				67							1	26	40					
Tổng cộng (tầng 2)		7770	6513	126	133	4	1	0	0	1119	1316	23	26332	16	1	0	159	354	615	26	248	190	302	2459
TẦNG 1																								
1	Biên Hòa	1980	1584	20	24	2	1	0	0	248	1273	19	18448	0	0	0	54	71	177	5	11	36	50	1020
2	Long Khánh	400	310	15	12	0	0	0	0	106	73	0	607	0	0	0	0	0	106	1	4	1	2	
3	Vĩnh Cửu	470	470	2	19	0	0	0	0	62	1523	3	9022	0	0	0	0	0	62	1	2	1	0	376
4	Định Quán	100	89	6	7	2	0	0	0	61	95	0	353	0	0	0	0	0	61	0	4	12	22	23
5	Tân Phú	60	60	2	0	0	0	0	0	60	195	1	166	0	0	0	11	11	49	1	2	47	11	0
6	Trảng Bom	1,428	1,398	1	2	4	0	0	0	61	1,662	2	4,909	0	0	0	0	6	55	2	7	6	10	1,224

7	Thống Nhất	98	98	6	2	0	0	0	0	25	2	0	0	0	0	0	0	25	0	4	0	0	73	
9	Cẩm Mỹ	500	200	8	4	0	0	0	0	65	22	1	490	0	0	0	2	10	53	11	7	14	31	135
10	Long Thành	500	500	4	16	1	0	0	0	108	79	0	2311	0	0	0	0	108	5	18	9	102	380	
11	Nhon Trạch	4230	1500	0	0	0	0	0	0	771	0	16	9090	0	0	0	30	230	511	5	34	43	694	729
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		9766	6209	64	86	9	1	0	0	1567	4924	42	45396	0	0	0	97	328	1207	31	93	169	922	4642
TỔNG TẦNG (3+2+1)		18066	13046	224	232	14	20	2	9	2995	6882	1054	73110	78	19	93	353	727	1842	58	351	471	1408	7143

**Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 12/12/2021)**

TT	Địa phương	Người trong độ tuổi tiêm chủng (Từ 12 tuổi trở lên)						
		Dân số	Số mũi tiêm trong ngày	Số mũi tiêm Mũi 1	Số mũi tiêm Mũi 2	Tổng số liều vắc xin đã tiêm	Tỷ lệ Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 2
1	Biên Hòa	961.996	2.935	970.556	913.046	1.883.602	100,89%	94,91%
2	Long Khánh	135.944	923	137.460	123.355	260.815	101,12%	90,74%
3	Long Thành	215.692	389	244.184	214.197	458.381	113,21%	99,31%
4	Nhon Trạch	261.879	0	257.634	203.847	461.481	98,38%	77,84%
5	Thống Nhất	146.707	2.380	131.540	116.168	247.708	89,66%	79,18%
6	Trảng Bom	318.163	3.072	309.073	264.918	573.991	97,14%	83,26%
7	Vĩnh Cửu	137.042	2.144	144.016	128.290	272.306	105,09%	93,61%
8	Xuân Lộc	188.699	618	208.584	191.419	400.003	110,54%	101,44%
9	Cẩm Mỹ	115.087	750	106.496	101.259	207.755	92,54%	87,98%
10	Định Quán	171.083	743	156.897	146.542	303.439	91,71%	85,66%
11	Tân Phú	129.710	199	125.678	111.066	236.744	96,89%	85,63%
	Tỉnh Đồng Nai	2.782.002	14.153	2.792.118	2.514.107	5.306.225	100,36%	90,37%

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 12/12/2021)

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A)			Người từ 50 tuổi trở lên (B)			Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)							
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ %	Số mũi tiêm (Mũi 2)	Tỷ lệ %	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57%	198.192	196.674	99,23%	93.343	82	85.346	91,43%	27.941	29,93%	2	1
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71%	37.675	36.408	96,64%	14.361	8	14.361	100,00%	5.714	39,79%	6	0
3	Long Thành	23.449	22.819	97,31%	59.238	57.498	97,06%	24.626	21	25.830	104,89%	9.095	36,93%	1	0
4	Nhơn Trạch	15.226	14.632	96,10%	48.894	48.110	98,40%	23.393	12	15.052	64,34%	4.669	19,96%	0	0
5	Thống Nhất	13.037	11.764	90,24%	37.414	33.560	89,70%	16.405	13	14.707	89,65%	6.436	39,23%	0	0
6	Trảng Bom	19.115	19.010	99,45%	92.978	90.138	96,95%	34.961	95	31.816	91,00%	11.465	32,79%	0	0
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.857	93,39%	32.466	29.920	92,16%	15.893	30	12.865	80,95%	4.028	25,34%	2	0
8	Xuân Lộc	19.734	18.427	93,38%	57.427	57.427	100,00%	22.654	15	20.832	91,96%	10.832	47,81%		
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.884	97,51%	34.375	34.111	98,70%	12.810	25	11.091	86,58%	4.089	31,92%	1	
10	Định Quán	13.719	13.157	95,90%	34.790	33.917	97,49%	20.291	1	19.745	97,31%	9.929	48,93%	0	0
11	Tân Phú	11.970	11.535	96,37%	23.040	22.293	96,76%	17.908	24	15.694	87,64%	6.721	37,53%	6	0
	Tỉnh Đồng Nai	212.402	206.395	97,17%	656.489	640.056	97,50%	296.645	326	267.339	90,12%	100.919	34,02%	18	1